

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024) giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 19xx; nơi cư trú: T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn (chị Vũ Thị D) trình bày:

Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Tây Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 5 năm 2006. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận được hơn 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, một phần do anh V không tin tưởng chị D nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau nhiều lần, mỗi lần từ khoảng 03 tháng đến 02 năm. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình và bạn bè hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tình trạng quan hệ vợ chồng anh chị trở lên căng thẳng, trầm trọng từ đầu năm 2024. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị D yêu cầu được ly hôn anh V. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn V1, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011. Theo đơn khởi kiện, chị D đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị Trà M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Văn V1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết chị D thay đổi quan điểm về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Chị D đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Văn V1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị Trà M cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Nguyễn Văn V) khai: Anh V xác nhận về thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung là hoàn toàn đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay hay xô sát, bất hoà. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình và bạn bè hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị D xin ly hôn, anh V không đồng ý ly hôn chị D nhưng lại không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Anh chị có 02 con chung như chị D khai. Trường hợp nếu phải ly hôn anh V đồng ý với quan điểm của chị D về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo đó anh V đề nghị Tòa án giao con Trà M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con V1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con anh chị xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Chị D và anh V kết hôn với nhau theo quy định. Anh chị chung sống hoà thuận với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn tới thường hay xô sát, bất hòa và nhiều lần đã sống ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị căng thẳng, trầm trọng từ tháng 01 năm 2024, từ đó đến nay chị D bỏ nhà đi, anh chị không quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung như chị D và anh V khai. Trường hợp anh chị ly hôn, Tòa án nên giao cho anh V, chị D mỗi người trực tiếp nuôi 01 con là phù hợp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết

định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn V; giao con Nguyễn Văn V1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị Trà M cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Nguyễn Văn V hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (chị Vũ Thị D) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh Nguyễn Văn V) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh V.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn V được xác lập từ ngày 25 tháng 5 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Nay chị D xin ly hôn, anh V không đồng ý. Xét thấy, mặc dù anh V không đồng ý ly hôn chị D nhưng không có giải pháp nào để anh chị có thể đoàn tụ; anh chị xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, chị D

không còn tình cảm với anh V. Anh chị đã sống ly thân nhau nhiều lần, mỗi lần từ 03 tháng đến 02 năm; mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình và bạn bè hai bên hoà giải nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện, thậm chí ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị D được ly hôn anh V.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn V1, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con: Khi ly hôn, chị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn V1, anh V trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Trà M. Xét thấy, chị D, anh V đều có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; sự thống nhất, thoả thuận của anh chị phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con nên cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Văn V1 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị Trà M cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn V1, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con

chung đủ 18 tuổi hoặc số sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009008 ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Tây Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2009);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Bình Phạm Văn Tiến

Phạm Thị Huyền Trang